

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LỨC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HỊA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-01-2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Tươi;

Ông Dương Công Danh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 415/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/11/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà [Nguyễn Hồng G](#), sinh năm 1979.

Địa chỉ: [Số nhà B, ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An](#) (có đơn xin vắng mặt).

*- Bị đơn:* Ông [Trần An L](#), sinh năm 1977.

Địa chỉ: [Ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An](#) (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà [Nguyễn Hồng G](#) trình bày:*

Bà [Nguyễn Hồng G](#) và ông [Trần An L](#) xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An](#) ngày 06/10/2003. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau và không còn sống chung từ tháng 10/2024 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà G yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà G và ông L có 01 con chung tên Trần Hữu P, sinh ngày 30/5/2004. Do con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần An L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do. Ông L cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà G. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Hồng G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần An L, hiện ông L đang cư trú tại ấp C, xã P, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng “Tranh chấp ly hôn”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Nguyễn Hồng G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Trần An L được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G và ông L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà G thấy rằng: Bà Nguyễn Hồng G và ông Trần An L xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 06/10/2003 theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà G trình bày thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ tháng 10/2024 đến nay. Hiện tại, bà G không còn tình cảm với ông L và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Đối với ông L thì đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai. Tuy nhiên, ông L không đến và cũng không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc bà G có yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà G và ông L mâu thuẫn đã lâu. Trong khoảng thời gian này, ông bà không thể đoàn tụ được. Trong thời gian không còn

sống chung, ông bà không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà G là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà G và ông L có 01 con chung tên Trần Hữu P, sinh ngày 30/5/2004. Hiện con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không có văn bản trình bày vấn đề này, bà G xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng G đối với ông Trần An L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng G được ly hôn với ông Trần An L.
2. Về con chung: Bà G và ông L có 01 con chung tên Trần Hữu P, sinh ngày 30/5/2004. Hiện con chung đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp đương sự có tranh chấp có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà G đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007111, ngày 14/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà G đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Phước Lợi.
- Đương sự;
- Lưu./.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thanh Lâm**

